

Số: 65/KH-PTDTNTTG

Tuần Giáo, ngày 09 tháng 4 năm 2024

**KẾ HOẠCH**  
**TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2024 - 2025**

*Căn cứ Thông tư 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động trường phổ thông dân tộc nội trú;*

*Căn cứ Thông tư ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông kèm theo văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Thực hiện văn bản số 910/SGDDĐT-GDTrH ngày 08/4/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh các cấp năm học 2024 - 2025;*

Trường PTDTNT THPT huyện Tuần Giáo xây dựng kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024 – 2025, cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Tăng số lượng học sinh trong độ tuổi đến trường theo mục tiêu, nhiệm vụ được Sở Giáo dục và Đào tạo giao.
2. Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cơ sở giáo dục, thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục THCS và phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS trên địa bàn huyện Tuần Giáo.
3. Tuyển sinh đúng đối tượng; đảm bảo chính xác, công bằng, khách quan.

**II. NỘI DUNG**

**1. Độ tuổi tuyển sinh:** Thực hiện theo Điều 33, Thông tư số 32/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

**2. Địa bàn tuyển sinh:** Học sinh tốt nghiệp THCS trên địa bàn huyện Tuần Giáo.

**3. Phương thức tuyển sinh:** Thi tuyển

**4. Đối tượng tuyển sinh**

Thực hiện theo Điều 9, Thông 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023. Cụ thể:

- Học sinh người dân tộc thiểu số mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên (tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh) tại xã, phường, thị trấn khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã, phường, thị trấn khu vực I, II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- Học sinh dân tộc rất ít người được quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ.

- Học sinh người dân tộc Kinh mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám

hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên (tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh) tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Năm học lớp 9, học sinh được xếp loại học lực từ Trung bình trở lên, hạnh kiểm từ Khá trở lên (đối với chương trình hiện hành); đánh giá về học tập đạt mức Hoàn thành trở lên, đánh giá về năng lực và phẩm chất từ Đạt trở lên (mô hình trường học mới).

Nhà trường căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2025; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc về việc Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 để thu nhận hồ sơ của học sinh dự tuyển.

## 5. Chỉ tiêu tuyển sinh

### 5.1. Số lớp, số học sinh tuyển mới: 03 lớp 10, 102 học sinh

| Lớp  | Môn/hoạt động giáo dục bắt buộc                            | Môn lựa chọn                                              | Chuyên đề học tập |
|------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------|
| 10A1 | Toán, Văn, Tiếng Anh, Lịch sử, GDTC, GDQPAN, HĐTN-HN, GDĐP | Hoá, Địa, Mỹ thuật, GDKT và PL                            | Toán, Văn, Địa    |
| 10A2 |                                                            | Sinh, Địa, GDKT và PL, Công nghệ (định hướng nông nghiệp) | Toán, Văn, Địa    |
| 10A3 |                                                            | Lý, Hoá, Sinh, Tin                                        | Toán, Hoá, Sinh   |

### 5.2. Phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh

- Tuyển toàn bộ học sinh thuộc đối tượng quy định tuyển thẳng.
- Tuyển không quá 10% học sinh dân tộc Kinh trong tổng số chỉ tiêu được giao trên địa bàn toàn huyện tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn.
- Chỉ tiêu còn lại phân bổ theo khu vực trong huyện:
  - + Khu vực I (Thị trấn Tuần Giáo): Tuyển tối đa 15% số học sinh ở khu vực này theo chỉ tiêu giao, không đủ chỉ tiêu chuyển sang khu vực III.
  - + Khu vực II: Huyện Tuần Giáo không có xã thuộc khu vực II.
  - + Khu vực III (18 xã còn lại của Huyện Tuần Giáo): Tuyển tiếp số % còn lại:

| STT | Xã/Thị trấn        | Khu vực | Số HS lớp 9 (Tháng 3/2024) | Số HS lớp 9 trường THCS Thị trấn Tuần Giáo chia theo hộ khẩu thường trú | Số HS theo hộ khẩu thường trú | Chỉ tiêu phân bổ |
|-----|--------------------|---------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------|
| 1   | Thị trấn Tuần Giáo | I       | 156                        | 95                                                                      | 95                            | 7                |

| STT         | Xã/Thị trấn | Khu vực | Số HS lớp 9 (Tháng 3/2024) | Số HS lớp 9 trường THCS Thị trấn Tuần Giáo chia theo hộ khẩu thường trú | Số HS theo hộ khẩu thường trú | Chỉ tiêu phân bổ |
|-------------|-------------|---------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------|
| 2           | Quài Cang   | III     | 151                        | 3                                                                       | 154                           | 9                |
| 3           | Quài Nưa    | III     | 109                        | 2                                                                       | 111                           | 7                |
| 4           | Pú Nhung    | III     | 55                         | 4                                                                       | 59                            | 4                |
| 5           | Rạng Đông   | III     | 88                         | 1                                                                       | 89                            | 5                |
| 6           | Tỏa Tình    | III     | 36                         | 3                                                                       | 39                            | 2                |
| 7           | Chiềng Sinh | III     | 108                        | 10                                                                      | 118                           | 7                |
| 8           | Mường Khong | III     | 80                         |                                                                         | 80                            | 5                |
| 9           | Mường Thín  | III     | 55                         |                                                                         | 55                            | 3                |
| 10          | Têngh Phong | III     | 34                         | 1                                                                       | 35                            | 2                |
| 11          | Mùn Chung   | III     | 92                         | 1                                                                       | 93                            | 6                |
| 12          | Mường Mùn   | III     | 101                        | 2                                                                       | 103                           | 6                |
| 13          | Phình Sáng  | III     | 123                        | 10                                                                      | 133                           | 8                |
| 14          | Ta Ma       | III     | 104                        | 2                                                                       | 106                           | 6                |
| 15          | Nà Sáy      | III     | 52                         | 1                                                                       | 53                            | 3                |
| 16          | Chiềng Đông | III     | 103                        |                                                                         | 103                           | 6                |
| 17          | Quài Tở     | III     | 144                        | 12                                                                      | 156                           | 9                |
| 18          | Pú Xi       | III     | 68                         |                                                                         | 68                            | 4                |
| 19          | Nà Tông     | III     | 45                         |                                                                         | 45                            | 3                |
| <b>Tổng</b> |             |         | <b>1704</b>                |                                                                         | <b>1695</b>                   | <b>102</b>       |

### Diễn giải:

(1) Trường THCS Thị trấn Tuần Giáo có 9 học sinh có hộ khẩu thường trú (HKTT) ở ngoài huyện Tuần Giáo. Xã Nà Tông có 45 học sinh học nhờ ở xã Mùn Chung.

(2) Cách thức phân bổ chỉ tiêu:

- Tuyển 07 học sinh có HKTT tại Thị trấn Tuần Giáo (Khu vực I), chiếm 5,9% chỉ tiêu giao.

- Tuyển 95 học sinh ở các xã Khu vực III còn lại:

+ Tổng số học sinh lớp 9 của 18 xã còn lại (không tính học sinh có HKTT

ở Thị trấn Tuần Giáo, không tính học sinh có HKTT ở ngoài huyện Tuần Giáo):  
 $1704 - 95 - 9 = 1600$ .

+ Chỉ tiêu phân bổ = (Số học sinh lớp 9 có HKTT ở xã đó x 95)/1600, làm tròn theo quy tắc toán học.

**6. Chế độ tuyển thẳng và chế độ ưu tiên:** Theo văn bản số 910/SGDĐT-GDTrH ngày 08/4/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh các cấp năm học 2024 – 2025.

### **6.1. Tuyển thẳng:**

- Học sinh là người dân tộc rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

- Học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh của nhà trường đạt giải cấp quốc gia và quốc tế về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học.

### **6.2. Chế độ ưu tiên:**

- Cộng 2,0 điểm cho một trong các đối tượng: Con liệt sĩ; con thương binh mất sức lao động 81% trở lên; con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên; con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”; đối tượng là dân tộc Khơ Mú, Sinh Mun, Phù Lá.

- Cộng 1,5 điểm cho một trong các đối tượng: Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng; con thương binh mất sức lao động dưới 81%; con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%; con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”;

- Cộng 1,0 điểm cho một trong các đối tượng: Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số; người học là người dân tộc thiểu số; người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Tổng số điểm cộng thêm cho các đối tượng được hưởng chế độ ưu tiên không quá 2,0 điểm.

**7. Môn thi, đề thi, hệ số điểm bài thi, lịch thi:** Theo văn bản số 910/SGDĐT-GDTrH ngày 08/4/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh các cấp năm học 2024 – 2025.

**7.1. Môn thi:** Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.

### **7.2. Nội dung thi:**

Chương trình, cấu trúc đề thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024-2025. Nội dung đề thi đảm bảo theo chuẩn kiến thức kỹ năng thuộc chương trình toàn

cấp THCS, chủ yếu chương trình lớp 9.

Đối với môn Tiếng Anh thực hiện theo Công văn số 192/SGDDĐT-GDTrH ngày 22/01/2024 của Sở GDĐT. Các môn còn lại thực hiện theo Công văn số 1730/SGDDĐT-GDTrH ngày 05/9/2018 về triển khai chương trình, cấu trúc đề thi HSG lớp 9 THCS, thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT.

**7.3. Hình thức thi:** Toán, Ngữ văn thi theo hình thức tự luận; môn tiếng Anh thi theo hình thức kết hợp giữa tự luận với trắc nghiệm.

**7.4. Hệ số điểm bài thi:** Điểm các bài thi tính hệ số 1.

**7.5. Lịch thi:**

| Ngày      | Buổi  | Môn       | Thời gian làm bài | Thời gian giao đề | Tính giờ làm bài |
|-----------|-------|-----------|-------------------|-------------------|------------------|
| 04/6/2024 | Sáng  | Ngữ văn   | 90 phút           | 7 giờ 25 phút     | 7 giờ 30         |
|           |       | Tiếng Anh | 60 phút           | 9 giờ 25 phút     | 9 giờ 30         |
|           | Chiều | Toán      | 90 phút           | 13 giờ 55 phút    | 14 giờ 00        |

**8. Hồ sơ dự thi:**

- Bản sao hợp lệ Giấy khai sinh hoặc căn cước công dân;
- Căn cứ hợp pháp để xác nhận thông tin về cư trú<sup>1</sup>;
- Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tạm thời hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế bằng tốt nghiệp trung học cơ sở theo quy định;
- Phiếu kết quả xếp loại hạnh kiểm, học lực học sinh học theo mô hình trường học mới do Hiệu trưởng trường THCS xác nhận (Mẫu số 1);
- Bản chính học bạ học sinh hoặc bản in học bạ điện tử có xác nhận của cơ sở giáo dục hoặc giấy xác nhận kết quả học tập có giá trị thay thế học bạ.
- Kế hoạch giáo dục cá nhân (đối với học sinh khuyết tật);
- Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có);
- Giấy xác nhận không trong thời gian thi hành án phạt tù; cải tạo không giam giữ hoặc vi phạm pháp luật (đối với người học đã tốt nghiệp THCS từ những năm học trước) do UBND xã, phường, thị trấn cấp;
- Đơn xin dự thi: Do nhà trường qui định;
- Hai (02) ảnh cỡ 3cm x 4cm, kiểu ảnh chứng minh nhân dân; ảnh đựng trong phong bì, mặt sau ảnh ghi họ tên, ngày tháng năm sinh. 01 ảnh dùng làm thẻ dự thi, 01 ảnh lưu tại trường để kiểm tra khi học sinh trúng tuyển.

**Ghi chú:** Trường hợp học sinh chưa hoàn thiện học bạ và các giấy tờ trên, có thể dùng Phiếu đăng ký dự thi có xác nhận của Hiệu trưởng trường THCS nơi

<sup>1</sup> Căn cứ vào thông tin cư trú trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc xác nhận của Công an Xã/Thị trấn trong Đơn đăng ký dự thi của thí sinh.

học sinh đang theo học (theo Mẫu M20). Khi nhập học (nếu trúng tuyển), học sinh hoàn thiện đủ hồ sơ theo hướng dẫn và nộp về trường trúng tuyển, đồng thời hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung đã kê khai trên Phiếu đăng ký dự thi.

### **9. Đăng ký dự thi, nguyện vọng**

- Học sinh đăng ký dự thi tại trường PTDTNT THPT huyện Tuần Giáo (kể cả học sinh có nguyện vọng đăng ký thi vào trường phổ thông DTNT tỉnh).

- Học sinh được đăng ký tối đa 03 nguyện vọng: Nguyện vọng 1 vào trường phổ thông DTNT tỉnh; nguyện vọng 2 vào trường phổ thông DTNT THPT huyện Tuần Giáo; nguyện vọng 3 vào 01 trong số các trường THPT tổ chức thi tuyển còn lại (tuyển sinh học sinh theo địa bàn huyện).

- Thời hạn đăng ký: **17 giờ ngày 25/5/2024** hết hạn đăng ký dự thi.

### **10. Xét trúng tuyển**

- Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi: Ngữ Văn + Toán + tiếng Anh + điểm ưu tiên. Không có bài thi nào bị điểm không (0).

- Căn cứ điểm thi, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu.

- Điểm xét tuyển đối với học sinh thuộc khu vực I không thấp hơn điểm xét tuyển đối với học sinh thuộc khu vực II; điểm xét tuyển đối với học sinh thuộc khu vực II không thấp hơn điểm xét tuyển đối với học sinh thuộc khu vực III. Nếu chỉ tiêu đối với khu vực I, II không đủ do không có học sinh đăng ký dự thi hoặc không đảm bảo nguyên tắc về điểm trúng tuyển đối với các khu vực thì sẽ chuyển chỉ tiêu sang khu vực III.

- Đối với chỉ tiêu phân bổ cho các xã, khi xét tuyển nếu xã nào không còn chỉ tiêu do không đủ đối tượng đáp ứng yêu cầu xét tuyển thì sẽ tuyển trong toàn huyện đối với khu vực đó. Chỉ tiêu theo xã không tính học sinh diện tuyển thẳng. Nếu khu vực I, khu vực II đã tuyển đủ số chỉ tiêu theo quy định, khi xét tuyển trong toàn huyện đối với các xã khu vực III chưa đủ chỉ tiêu thì học sinh khu vực I, và II không được tham gia xét tuyển tiếp.

Trường hợp không tuyển hết những thí sinh có điểm xét tuyển ngang nhau thì xét chọn theo thứ tự sau: Thí sinh có học lực (đối với chương trình hiện hành) hoặc đánh giá về học tập (mô hình trường học mới) năm lớp 9 xếp loại cao hơn; thí sinh có điểm trung bình cả năm của lớp 9 cao hơn; thí sinh có điểm trung bình cả năm môn Ngữ văn lớp 9 cao hơn; thí sinh có điểm trung bình cả năm môn Toán lớp 9 cao hơn.

- Tỷ lệ nguyện vọng: Tuyển 100% nguyện vọng 1, nguyện vọng 2 (nguyện vọng 1 là những học sinh đăng ký dự tuyển vào trường PTDTNT THPT huyện Tuần Giáo; nguyện vọng 2 là những học sinh đăng ký dự thi vào trường THPT chuyên Lê Quý Đôn, DTNT tỉnh nhưng không trúng tuyển và có nguyện vọng dự tuyển vào trường PTDTNT THPT huyện Tuần Giáo);

- Học sinh đã trúng tuyển nguyện vọng 1 ở trường đăng ký thi tuyển thì sẽ không được rút hồ sơ để xét trúng tuyển nguyện vọng 2 ở các trường thi tuyển khác.

- Quy trình xét trúng tuyển: Hội đồng tuyển sinh các trường nhận kết quả thi tại Sở GDĐT; lập danh sách học sinh trúng tuyển theo Quy chế thi tuyển sinh (cộng điểm ưu tiên nếu có) và trình Sở GDĐT phê duyệt.

- Thời gian duyệt kết quả trúng tuyển: Hội đồng tuyển sinh nhà trường tổ chức xét trúng tuyển, lập danh sách học sinh trúng tuyển trình Sở GDĐT phê duyệt, thông báo kết quả trúng tuyển trước ngày **20/6/2024** và trả hồ sơ cho thí sinh không trúng tuyển.

### **11. Tuyển sinh bổ sung**

- Đối tượng: Những học sinh đã tham gia thi tuyển nhưng chưa trúng tuyển và đã đăng ký nguyện vọng dự tuyển vào trường.

- Cách thức: Nhà trường xây dựng phương án tuyển bổ sung trình Sở GDĐT xem xét, phê duyệt.

- Thời gian: Trước ngày **12/9/2024**.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ban giám hiệu**

- Thành lập Hội đồng tuyển sinh; các Ban tuyển sinh (Ban tuyên truyền; Ban thu nhận, kiểm tra hồ sơ, hướng dẫn học sinh làm thủ tục đăng ký dự thi; Ban nhập liệu), phân công nhiệm vụ cho viên chức, người lao động và học sinh.

- Thông báo Kế hoạch tuyển sinh đến UBND các xã, thị trấn, phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục có cấp THCS trực thuộc phòng GDĐT, trường THCS&THPT Quài Tở, trên website của nhà trường; báo cáo Kế hoạch tuyển sinh với Sở GDĐT, UBND huyện Tuần Giáo.

- Phân công các nhóm giáo viên, học sinh thông báo Kế hoạch tuyển sinh tại các trường học có đối tượng tuyển sinh của nhà trường, thu hồ sơ đăng ký dự thi, hướng dẫn học sinh làm thủ tục đăng ký dự thi, nhập liệu, kiểm tra hồ sơ, ...

- Giới thiệu cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi, thanh tra thi theo yêu cầu của Sở GDĐT.

- Chỉ đạo công tác chuẩn bị cơ sở vật chất, văn phòng phẩm và các điều kiện khác phục vụ kỳ thi.

- Phối hợp với trường THPT Tuần Giáo chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức Kỳ thi theo hướng dẫn của Sở GDĐT (nếu số lượng thí sinh đăng ký dự thi đông, không thể sắp xếp đủ số phòng thi tại trường).

### **2. Giáo viên, nhân viên, người lao động**

- Nghiên cứu kỹ hướng dẫn tuyển sinh của Sở GDĐT, Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường; nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ được Ban giám hiệu và Trưởng các ban phân công.

- Kiểm tra hồ sơ thí sinh đăng ký dự thi khi được phân công.

- Tham gia coi thi, chấm thi, thanh tra thi theo Quyết định của Sở GDĐT.

### **3. Học sinh**

- Thông báo kế hoạch tuyển sinh của nhà trường đến phụ huynh và người thân.
- Cùng với giáo viên tham gia tư vấn cho học sinh lớp 9 các thông tin liên quan đến công tác tuyển sinh của trường.

Trên đây là Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024 - 2025 của trường PTDTNT THPT huyện Tuần Giáo. Nhà trường đề nghị đội ngũ viên chức, người lao động và học sinh có liên quan tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc báo cáo kịp thời với Ban giám hiệu để thống nhất giải quyết.

***Nơi nhận:***

- Sở GDĐT (để b/c);
- UBND huyện (để b/c);
- Phòng GDĐT, UBND các xã, thị trấn;
- Trường THCS&THPT Quài Tở;
- Các CSGD có cấp THCS trực thuộc phòng GDĐT Tuần Giáo;
- GV, NV, NLĐ, HS (để t/h);
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

*Đã ký*

**Cao Văn Bằng**

**MẪU SỐ 1**

SỞ/PHÒNG GD&ĐT.....  
**TRƯỜNG...**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Điện Biên, ngày ... tháng ... năm 20...*

**KẾT QUẢ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM, HỌC LỰC HỌC SINH**  
**(Dùng cho học sinh học theo mô hình trường học mới)**

Họ tên học sinh: \_\_\_\_\_  
 Ngày sinh: \_\_\_\_\_  
 Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Dân tộc: \_\_\_\_\_

| TT | Năm học      | Lớp | Hạnh<br>kiểm | Xếp loại Học lực  |          | Ghi<br>chú |
|----|--------------|-----|--------------|-------------------|----------|------------|
|    |              |     |              | ĐTB <sub>cn</sub> | Xếp loại |            |
| 1  | 20...-20...  | 8   |              |                   |          |            |
| 2  | 20...-20.... | 9   |              |                   |          |            |

(Phiếu này do Hiệu trưởng trường THCS cấp cùng với Giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS tạm thời)

*....., ngày..... tháng ....năm.....*

**GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**HIỆU TRƯỞNG**  
*(Ký tên, đóng dấu)*